

CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC VÀ CÔNG NGHỆ ABP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC VÀ CÔNG NGHỆ ABP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ABP EDUCATION AND TECHNOLOGY LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: ABP EDU LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110762586

3. Ngày thành lập: 25/06/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

14-15A, Tầng 7, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 090.277.6467

Fax:

Email: vanntk@abp.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; - Dịch vụ kiểm tra giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên	8560(Chính)
2.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
3.	In ấn	1811
4.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá, môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

9.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
10.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
11.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
12.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
13.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ sản xuất chương trình truyền hình) (Loại trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình, thời sự-chính trị)	5911
14.	Hoạt động hậu kỳ (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5912
15.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ xuất bản) (Loại trừ kinh doanh Karaoke)	5920
16.	Lập trình máy vi tính	6201
17.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
18.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
19.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
20.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
22.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)	7020
23.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
24.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
25.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm thăm dò dư luận)	7320
26.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420

